



Số CVĐ: 135

Sóc Trăng, ngày 09 tháng 3 năm 2022

PHIẾU GIẢI QUYẾT CÔNG VĂN ĐẾN

Đề án; 01/ĐA-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2022; UBND tỉnh; Đề án Phát triển Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng chất lượng cao đến năm 2025

KÍNH TRÌNH: BAN GIÁM HIỆU

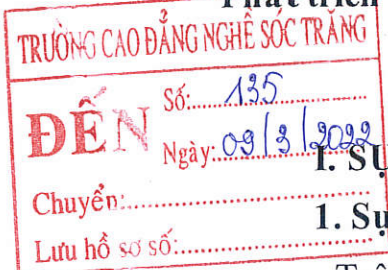
Ý KIẾN ĐỀ XUẤT	Ý KIẾN CHỈ ĐẠO
<ul style="list-style-type: none">- Ban giám hiệu;- Triển khai để lãnh đạo các đơn vị trong cuộc họp báo T3, để phân công các đơn vị tham mưu kế hoạch thực hiện đề án.- Đăng dữ liệu;- Đăng web site;- Lưu VT. <p>TRƯỞNG PHÒNG</p>  <p>Phạm Thị Cẩm Hương</p>	<ul style="list-style-type: none">- Đăng đại loại trường, Web site.- Phòng TC-HC-QT: để báo CV thông báo của Ban giám hiệu các đơn vị để phối hợp trợ giúp.- Phòng TC-HC-QT phối hợp các đơn vị có liên quan khẩn cấp kết <p>Ngày...10...tháng...3...năm 2022</p> 

Số: 01 /ĐA-UBND

Sóc Trăng, ngày 07 tháng 3 năm 2022

ĐỀ ÁN

Phát triển Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng chất lượng cao đến năm 2025



A. PHẦN MỞ ĐẦU

I. SỰ CẦN THIẾT, HIỆU QUẢ ĐỀ ÁN

1. Sự cần thiết ban hành Đề án

- Trên địa bàn tỉnh hiện có 02 trường cao đẳng là Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng và Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng. Trong thời gian qua, được sự hỗ trợ tích cực của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng đã triển khai thực hiện tốt Dự án “Đầu tư các ngành, nghề trọng điểm” và đã đạt được những kết quả nhất định như: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo được đầu tư, trình độ đội ngũ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, chất lượng đào tạo từng bước được nâng lên; quy mô tuyển sinh mới và lưu lượng học sinh, sinh viên ngày càng mở rộng; đây là điều kiện, nền tảng quan trọng để phát triển Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng chất lượng cao trong thời gian tới.

- Nhằm cụ thể hóa Chỉ thị số 37-CT/TW, ngày 06/6/2014 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao; Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới; Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 11/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Đồng thời, đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ có kiến thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp cao; thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội; góp phần thực hiện hoàn thành các mục tiêu chủ yếu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng nên việc chọn Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng thực hiện Đề án phát triển trường cao đẳng chất lượng cao đến năm 2025 là cần thiết và phù hợp với thực tế phát triển của địa phương.

2. Hiệu quả của Đề án

- Đề án Phát triển Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng chất lượng cao đến năm 2025 có vai trò, ý nghĩa thực tiễn quan trọng góp phần rất lớn trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Người học được học tập, rèn luyện tiếp cận với cơ sở vật chất và môi trường học tập hiện đại; sau khi tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng cơ bản, ứng dụng hiệu quả các hoạt động về bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả năng lượng, tài nguyên, kỹ năng khởi nghiệp và tự tạo việc làm.

- Doanh nghiệp, nhà đầu tư có cơ hội tham gia quá trình đào tạo, có nguồn cung cấp nhân lực đảm bảo kiến thức, kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp, qua đó nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả đầu tư.

- Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục nghề nghiệp; giảng viên, giáo viên được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng, thái độ, năng lực thực hiện, phương pháp sư phạm, cải thiện thu nhập, phát huy năng lực bản thân.

- Các cơ quan quản lý nhà nước giảm được áp lực giải quyết vấn đề xã hội, đặc biệt là việc làm.

II. CƠ SỞ BAN HÀNH ĐỀ ÁN

- Chỉ thị số 37-CT/TW, ngày 06/6/2014 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao.

- Luật giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014.

- Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026 thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025.

- Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025".

- Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 11/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án "Phát triển trường cao đẳng chất lượng cao đến năm 2025".

- Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới.

- Nghị quyết số 617-NQ/BCSĐ, ngày 28/12/2018 của Ban cán sự Đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2021 và định hướng đến năm 2030.

- Thông tư số 35/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí và quy trình đánh giá, công nhận trường cao đẳng chất lượng cao.

- Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 11/9/2007 của Tỉnh ủy Sóc Trăng về phát triển kinh tế biển, vùng ven biển tỉnh Sóc Trăng; Kết luận số 10-KL/TU, ngày 30/10/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU của Tỉnh ủy khóa XI về phát triển kinh tế biển, vùng ven biển tỉnh Sóc Trăng.

- Nghị quyết số 13-NQ/TU, ngày 17/7/2017 của Tỉnh ủy Sóc Trăng về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng lần thứ XIV nhiệm kỳ 2020 - 2025 và Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 11/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Kế hoạch số 87-KH/TU, ngày 16/5/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Sóc Trăng triển khai Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế.

- Chỉ thị số 17-CT/TU, ngày 05/8/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Sóc Trăng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục nghề nghiệp, giải quyết việc làm đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

- Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2021 - 2025.

- Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 29/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về việc đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030.

- Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 23/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng triển khai thực hiện Kế hoạch số 87-KH/TU, ngày 16/5/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Sóc Trăng triển khai Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế.

- Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 05/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025.

B. PHẦN NỘI DUNG

I. THỰC TRẠNG CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ SÓC TRĂNG

1. Cơ sở vật chất

- Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng có diện tích trên 08 hecta, được đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng từ năm 2006, với các hạng mục như: Khối hành chính, 25 phòng học lý thuyết, 07 xưởng thực hành, 02 trại thực nghiệm, 04 phòng thí nghiệm và 120 phòng ở ký túc xá (mỗi phòng ở 08 người), nhà nghỉ giáo viên, nhà ăn, nhà thi đấu đa năng.

- Tổng diện tích đất được giao là 79.911,6 m²; trong đó: Diện tích xây dựng là 26.054,37 m², diện tích cây xanh, lưu không là 53.857,23 m².

- Các hạng mục công trình gồm: Khu hiệu bộ: 749 m²; phòng học lý thuyết: 4.421,5 m²; phòng thực hành, xưởng thực hành, phòng thí nghiệm, trại thực nghiệm: 8.717,84 m²; thư viện: 150 m²; ký túc xá: 11.316,2 m²; nhà ăn: 721 m²; tổ y tế: 21 m²; khu thể thao: 2.601,86 m²; hội trường: 749 m²; nhà nghỉ giáo viên: 383,94 m²; nhà xe: 264,2 m².

Nhìn chung, cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng theo tiêu chí trường chất lượng cao, nhưng cần quy hoạch lại theo hướng mỗi khoa một khu vực (tương đối độc lập) để góp phần đảm bảo đạt các tiêu chí, tiêu chuẩn trường cao đẳng chất lượng cao theo quy định.

2. Trang thiết bị đào tạo

- Thiết bị đào tạo được đầu tư đến nay là 88,4 tỷ đồng; trong đó:

+ Giai đoạn 2006 - 2010 là 28 tỷ đồng thuộc Dự án “Đổi mới và phát triển dạy nghề”.

+ Giai đoạn 2010 - 2015 là 52,4 tỷ đồng thuộc Dự án “Đổi mới và phát triển dạy nghề” đầu tư cho 05 nghề trọng điểm với kinh phí là 6,4 tỷ và Dự án “Tăng cường kỹ năng nghề giai đoạn 2010 - 2015” với kinh phí là 46 tỷ đồng.

+ Giai đoạn 2016 đến nay là 16,126 tỷ đồng thuộc Dự án “Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp”.

- Thiết bị đào tạo đối với một số nghề đang đào tạo cơ bản đáp ứng theo chuẩn quy định. Tuy nhiên, do tiến bộ của khoa học công nghệ, nhu cầu thực tiễn về trang thiết bị, dây chuyền phục vụ cho sản xuất kinh doanh thường xuyên thay đổi theo hướng hiện đại, ... từ đó một số thiết bị phục vụ giảng dạy cần phải được đầu tư trang bị thêm để đáp ứng theo chuẩn trường chất lượng cao và thực tế sản xuất. Mức độ đáp ứng của thiết bị đào tạo hiện tại đối với các nghề đào tạo, cụ thể như sau:

+ Các nghề thuộc lĩnh vực Điện - Điện tử: Nghề Điện tử công nghiệp nếu xét trên danh mục thiết bị theo quy chuẩn quốc gia đạt 100%, nhưng theo chuẩn ASEAN hiện tại có hai phòng thực hành đạt chuẩn, phần còn lại phải được xây dựng và đầu tư bổ sung. Nghề Điện công nghiệp theo quy chuẩn đạt 50%. Nghề

Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, thiết bị so với quy chuẩn chỉ đáp ứng được 40% do đầu tư trước năm 2007.

+ Các nghề thuộc lĩnh vực cơ khí: Công nghệ ô tô theo quy chuẩn ASEAN đạt 80%. Nghề Cắt gọt kim loại thiết bị theo quy chuẩn hiện tại chỉ đạt 50% do đầu tư trước năm 2007.

+ Các nghề thuộc lĩnh vực Nông nghiệp - Thủy sản: Có 02 nghề Chế biến và bảo quản thủy sản, Chế biến thực phẩm, thiết bị so với quy chuẩn đạt 80%; đây là hai nghề trọng điểm cấp quốc gia nên được đầu tư trong thời gian qua.

3. Đội ngũ công chức, viên chức quản lý, nhà giáo giáo dục nghề nghiệp

- Về cơ cấu tổ chức, bộ máy: Trường hiện có 05 phòng, 04 khoa và Trung tâm đào tạo lái xe, tàu Sóc Trăng là đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên.

- Về đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo giáo dục nghề nghiệp: Trường có 135 cán bộ, viên chức, lao động; trong đó, Trung tâm Đào tạo lái xe, tàu Sóc Trăng với 36 người; chia theo trình độ:

+ Chuyên môn: 01 tiến sĩ, 41 thạc sĩ (01 nghiên cứu sinh), 62 đại học, 07 cao đẳng, 12 trung cấp, 12 trình độ khác; trong đó: Có 99 nhà giáo giáo dục nghề nghiệp (Trung tâm đào tạo lái xe, tàu Sóc Trăng là 23 giáo viên), gồm: 01 tiến sĩ, 39 thạc sĩ (01 nghiên cứu sinh), 44 đại học, 12 cao đẳng, 03 trung cấp.

+ Lý luận chính trị: 01 cử nhân, 08 cao cấp, 57 trung cấp; trong đó: nhà giáo giáo dục nghề nghiệp có trình độ lý luận chính trị cao cấp 03 người, trung cấp 50 người.

Với đội ngũ công chức, viên chức quản lý, nhà giáo giáo dục nghề nghiệp hiện tại mới đáp ứng được 80% tiêu chí trường chất lượng cao; do đó, cần phải được tiếp cận kỹ năng, chuyên môn công nghệ mới thực tế tại doanh nghiệp, nâng cao trình độ ngoại ngữ, nâng cao trình độ, kỹ năng quản trị,...

4. Ngành, nghề đào tạo

- Trường tổ chức đào tạo 13 nghề; trong đó, có 12 nghề đào tạo cả 2 cấp trình độ (trung cấp, cao đẳng), 01 nghề đào tạo trình độ cao đẳng, 02 nghề trọng điểm cấp ASEAN, 03 nghề trọng điểm cấp quốc gia.

(Kèm theo Phụ lục 1).

- Mức độ đáp ứng theo tiêu chí trường chất lượng cao đạt 80%. Vậy cần phải thường xuyên hoàn thiện chương trình đào tạo để đáp ứng theo nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp nói riêng và của xã hội nói chung trong giai đoạn phát triển của khoa học công nghệ; xây dựng và triển khai ít nhất một chương trình đào tạo chất lượng cao.

5. Quy mô tuyển sinh, đào tạo

Theo giấy phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp do Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp, quy mô tuyển sinh hàng năm từ 875 đến 962 học sinh, sinh viên. Quy mô đào tạo khoảng 2.000 học sinh, sinh viên hệ trung cấp, cao đẳng

(tính theo số học sinh, sinh viên quy đổi); trong đó, có 1.000 sinh viên hệ cao đẳng. Hiện tại, số lượng người học đạt trên 80% so với quy mô đào tạo của trường chất lượng cao.

- Giai đoạn 2015 - 2020, tổ chức tuyển sinh 4.976 học sinh, sinh viên; qua đó, công nhận kết quả và cấp bằng cho 1.290 học sinh, sinh viên, đạt 25,92%; vì vậy cần phải nâng tỷ lệ học sinh, sinh viên hoàn thành chương trình đạt trên 70% tổng số tuyển sinh để đạt chuẩn trường chất lượng cao.

(Kèm theo Phụ lục 2, 3).

- Giai đoạn 2021 - 2025 dự kiến tuyển sinh là 3.920 học sinh, sinh viên; trong đó: Trình độ cao đẳng 1.980 sinh viên, trình độ trung cấp 1.940 học sinh.

(Kèm theo Phụ lục 4).

6. Kết quả giải quyết việc làm sau đào tạo

Giai đoạn 2015 - 2020, Trường đã giới thiệu và giải quyết việc làm cho 1.290/1.290 học sinh, sinh viên sau tốt nghiệp (từ 6 tháng đến 1 năm), đạt 100%. Học sinh, sinh viên có việc làm phù hợp với nghề đào tạo; mức lương bình quân của trình độ trung cấp từ 4,5 - 06 triệu đồng/tháng, cao đẳng từ 05 - 6,5 triệu đồng/tháng, tùy thuộc vào ngành, nghề đào tạo.

II. NHỮNG YÊU CẦU ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ SÓC TRĂNG ĐẾN NĂM 2025

- Về cơ sở vật chất: Nhu cầu cần thiết phải đầu tư xây dựng mới thêm các phòng, xưởng thực hành, thí nghiệm; cải tạo nâng cấp các phòng học, xưởng thực hành; ký túc xá, nhà thể thao phục vụ sinh hoạt cho học sinh, sinh viên; tường rào nội bộ, đường đi nội bộ,... để đảm bảo chuẩn cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động đào tạo theo quy định.

- Về trang thiết bị: Cần đầu tư thêm trang thiết bị dạy nghề mới để thay thế những trang thiết bị hư hỏng, hết niên hạn sử dụng. Đầu tư mới, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin sẵn có để nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin, số hóa trong hoạt động quản lý và đào tạo.

- Đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo: Quy hoạch tạo điều kiện cử cán bộ, nhà giáo tham gia tập huấn các lớp nâng cao trình độ kỹ năng, chuyên môn sâu; tham gia thực tế tại doanh nghiệp; nâng cao trình độ ngoại ngữ; nâng cao trình độ, kỹ năng quản trị;...

- Về chương trình đào tạo: Thường xuyên hoàn thiện chương trình đào tạo để đáp ứng theo nhu cầu thực tế hiện nay; xây dựng và triển khai ít nhất một chương trình đào tạo chất lượng cao.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Đến năm 2025, Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng đạt các tiêu chí trường cao đẳng chất lượng cao và được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận, cấp giấy chứng nhận.

- Thực hiện giải pháp đột phá đổi mới, phát triển giáo dục nghề nghiệp, chú trọng đào tạo nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động và yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV.

2. Mục tiêu cụ thể

- Quy mô đào tạo tối thiểu 2.000 học sinh, sinh viên hệ trung cấp, cao đẳng (tính theo số học sinh, sinh viên quy đổi); trong đó tối thiểu 1.000 sinh viên hệ cao đẳng. Tổng số học sinh, sinh viên hệ trung cấp, cao đẳng của trường hoàn thành chương trình học trên 80% tổng số tuyển sinh; tỷ lệ bỏ học của học sinh, sinh viên ngành, nghề trọng điểm các cấp độ không quá 10% tổng số tuyển sinh.

- Trường có học sinh, sinh viên đạt giải tại các cuộc thi cấp khu vực và quốc gia do ngành giáo dục nghề nghiệp phát động, tổ chức hoặc được tuyên dương xuất sắc, tiêu biểu cấp tỉnh, bộ, ngành, quốc gia hoặc có đề tài nghiên cứu ứng dụng được công nhận cấp tỉnh, bộ, ngành, quốc gia; ít nhất 80% các doanh nghiệp được khảo sát khẳng định năng lực của học sinh, sinh viên tốt nghiệp hệ trung cấp, cao đẳng đáp ứng yêu cầu công việc; có ít nhất 01 ý tưởng, dự án khởi nghiệp của học sinh, sinh viên được hỗ trợ đầu tư từ nguồn kinh phí phù hợp hoặc kết nối với các doanh nghiệp.

- Có chương trình đào tạo là chương trình đào tạo chất lượng cao hoặc được công nhận tương đương với chuẩn quốc tế, khu vực ASEAN. Đầu tư thêm các thiết bị đào tạo có công nghệ tiên tiến áp dụng tại doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình đào tạo. Đối với ngành, nghề trọng điểm các cấp độ có ít nhất 30% thiết bị đào tạo có trình độ công nghệ tiên tiến tại Việt Nam.

- Trong vòng 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp, ít nhất 80% tổng số học sinh hệ trung cấp, cao đẳng tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành, nghề được đào tạo; đối với ngành, nghề trọng điểm các cấp độ là 90%.

- Ít nhất 50% nhà giáo giảng dạy ngành, nghề trọng điểm các cấp độ có trình độ ngoại ngữ bậc 3 hoặc tương đương trở lên; ít nhất 30% nhà giáo giảng dạy ngành, nghề trọng điểm cấp độ quốc tế, khu vực ASEAN có trình độ ngoại ngữ bậc 4 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trở lên. Hằng năm, ít nhất 50% đội ngũ nhà giáo giảng dạy ngành, nghề trọng điểm các cấp độ được bồi dưỡng để cập nhật công nghệ mới thuộc lĩnh vực ngành, nghề giảng dạy với thời gian bồi dưỡng tối thiểu 80 giờ.

- Hằng năm, trường cung cấp ít nhất 04 khóa hoặc lớp đào tạo, bồi dưỡng cho người lao động của doanh nghiệp được doanh nghiệp và người lao động đánh giá có chất lượng, hiệu quả; hợp tác với trường nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo; gắn kết với doanh nghiệp để sản xuất, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ; hợp tác với doanh nghiệp để thực hiện ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học ứng dụng thực tiễn hoặc chuyển giao công nghệ; có bài báo hoặc công trình khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học được tính điểm hoặc ấn phẩm tương đương.

- Thời gian đào tạo thực hành, thực tập tại doanh nghiệp chiếm ít nhất 25% tổng thời gian khóa học ngành, nghề trọng điểm các cấp độ, 20% đối với các ngành, nghề khác.

- Xây dựng, vận hành hiệu quả hệ thống bảo đảm chất lượng, được người học, nhà giáo, nhân viên, đội ngũ lãnh đạo và quản lý đánh giá hoạt động hiệu quả. Trường đạt tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; ngành, nghề đào tạo của trường được kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý của trường, đảm bảo các dữ liệu có khả năng đồng bộ, đáp ứng được yêu cầu kết nối/chuyên dữ liệu giáo dục nghề nghiệp về cơ quan quản lý nhà nước. Các hoạt động của trường được số hoá, kết nối, chia sẻ và tương tác; thực hiện quản trị, điều hành trường dựa trên dữ liệu và các công nghệ số; điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo; thu chi tài chính.

- Trường có hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến và bảo đảm các điều kiện cho đào tạo trực tuyến đối với ít nhất 50% môn học, mô đun của nghề trọng điểm các cấp độ. Khu vực thực hành bảo đảm đủ điều kiện theo quy định hiện hành về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học để đào tạo; được sắp xếp theo 3 cấp độ: bảo đảm đào tạo các kỹ năng cơ bản chung, đào tạo các kỹ năng chuyên sâu và ứng dụng các kỹ năng đã học vào điều kiện làm việc thực tế.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

- Phát triển hệ thống thông tin, số hóa, mô phỏng hóa các hoạt động quản lý và chương trình đào tạo, tiến đến ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong các hoạt động đào tạo và quản lý nhà trường trên cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin tiên tiến (Dự án 1).

- Phát triển chương trình, giáo trình đào tạo nhằm hoàn chỉnh nội dung trên cơ sở khoa học, đảm bảo đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra, tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, phù hợp với phân tích nghề; đảm bảo kịp thời, liên thông giữa các trình độ, phù hợp với phương thức đào tạo tích lũy theo mô đun, tín chỉ, cập nhật tiến bộ khoa học kỹ thuật và thực tế sản xuất; phục vụ hiệu quả hoạt động dạy và học (Dự án 2).

- Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp và cán bộ quản lý nhằm đảm bảo đủ về số lượng; đồng bộ về cơ cấu nghề đào tạo; đạt chuẩn về kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng nghề nghiệp. Chú trọng nâng cao phẩm chất đạo đức, lối sống, lương tâm nghề nghiệp của nhà giáo, cán bộ quản lý (Dự án 3).

- Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo. Tập trung triển khai đầu tư mới, cải tạo nâng cấp phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học, trung tâm học liệu, ...; trang bị bổ sung thiết bị đào tạo mới, thiết bị phục vụ hoạt động quản lý; trang bị, nâng cấp các phần mềm, học liệu phục vụ hoạt động dạy và học hiện đại, phù hợp với yêu cầu tối thiểu cho việc đào tạo đội ngũ lao động có chất

lượng, đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay (Dự án 4).

(Kèm theo Phụ lục 5).

2. Các giải pháp

a) Giải pháp về cơ chế:

- Cơ chế quản lý: Xây dựng, thường xuyên cải tiến, nâng cao chất lượng về quản trị nhà trường, trong đó cần nâng cao chất lượng đào tạo một cách tổng thể và bền vững đó là xây dựng, vận hành hiệu quả hệ thống đảm bảo chất lượng trong nhà trường theo quy định, phù hợp với thực tiễn của trường, góp phần đổi mới công tác quản lý giáo dục nghề nghiệp, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của nhà trường; coi trọng quản lý chất lượng.

- Cơ chế tài chính:

+ Ban hành quy chế quản lý tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công, xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân, nhất là trách nhiệm người đứng đầu. Hàng năm, có tổng kết, đánh giá và cập nhật, điều chỉnh cho phù hợp tình hình thực tế.

+ Thực hiện nghiêm chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế, giám sát, công khai minh bạch tài chính theo quy định của pháp luật. Chú trọng thực hiện nghiêm túc trách nhiệm quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, tài sản công theo quy định của pháp luật.

b) Giải pháp về chính sách:

- Tăng cường hệ thống truyền thông về chính sách của nhà nước đối với học nghề, tổ chức thực hiện kịp thời, đầy đủ các chính sách theo quy định của nhà nước trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động được các nguồn lực về cơ sở vật chất, thiết bị của doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo chương trình chất lượng cao.

- Tranh thủ sự ủng hộ từ các cấp về kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo theo quy định của pháp luật.

- Có chính sách khuyến khích, ưu tiên các doanh nghiệp trực tiếp cùng với nhà trường tổ chức đào tạo một số ngành, nghề trọng điểm, nghề chất lượng cao gắn với lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

c) Giải pháp về chuyên môn, kỹ thuật:

- Đầu tư phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, trung tâm học liệu:

+ Phòng học cho lớp đào tạo theo chương trình chất lượng cao phải được thiết kế là các phòng học chuyên môn hóa, có đủ điều kiện để thực hiện giảng dạy theo phương pháp tích hợp cả lý thuyết và thực hành, được trang bị máy tính

kết nối mạng internet và các thiết bị hỗ trợ giảng dạy, học tập khác phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

+ Đầu tư đủ phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, thực tập; có phần mềm mô phỏng cần thiết phục vụ giảng dạy cho người học và cơ sở vật chất cần thiết khác theo yêu cầu của chương trình chất lượng cao do nhà trường quy định.

- Đầu tư thiết bị đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng cao: Đầu tư thiết bị đào tạo cho các nghề đảm bảo theo danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu theo quy định của nhà nước về hoạt động giáo dục nghề nghiệp đặc biệt đối với những nghề triển khai giảng dạy theo chương trình đào tạo chất lượng cao phải được trang bị thiết bị đảm bảo việc triển khai tốt chương trình đào tạo.

- Đầu tư, nâng cấp thư viện, xây dựng thư viện điện tử đảm bảo đáp ứng đủ giáo trình, tài liệu tham khảo trong và ngoài nước, được cập nhật thường xuyên phục vụ cho nhà giáo giáo dục nghề nghiệp và người học tra cứu thông tin, khai thác sử dụng trong giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí thực hiện Đề án Phát triển Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng chất lượng cao đến năm 2025 là 105.600 triệu đồng (Một trăm lẻ năm tỷ, sáu trăm triệu đồng).

1. Chia theo nguồn kinh phí

- Vốn chương trình mục tiêu (ngân sách trung ương): 39.600 triệu đồng.
- Vốn ngân sách tỉnh (nguồn đầu tư công trung hạn): 36.000 triệu đồng.
- Quỹ sự nghiệp: 17.700 triệu đồng.
- Nguồn vốn huy động từ các chương trình hợp tác, liên kết đào tạo với doanh nghiệp: 12.300 triệu đồng.

(Kèm theo Phụ lục 6).

2. Chia theo nhiệm vụ thực hiện

- Phát triển hệ thống thông tin, số hóa, mô phỏng hóa các hoạt động quản lý và chương trình đào tạo: 12.300 triệu đồng.

(Kèm theo Phụ lục 7).

- Phát triển chương trình, giáo trình đào tạo: 3.200 triệu đồng.

(Kèm theo Phụ lục 8).

- Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp và cán bộ quản lý: 2.400 triệu đồng.

(Kèm theo Phụ lục 9).

- Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo: 87.700 triệu đồng.

(Kèm theo Phụ lục 10, 11).

C. PHẦN TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành tỉnh và Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Đề án.

- Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch thực hiện Đề án hàng năm, 5 năm của Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng.

- Hàng năm, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu Tư, Sở Tài chính phân bổ nguồn kinh phí trung ương, cân đối kinh phí địa phương thực hiện Đề án thuộc chức năng nhiệm vụ được giao.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Đề án.

2. Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện đảm bảo thời gian, đạt các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ Đề án đề ra. Chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ, tài liệu có liên quan theo quy định đề nghị cơ quan có thẩm quyền tổ chức đánh giá, công nhận trường cao đẳng chất lượng cao khi đủ điều kiện.

3. Sở Nội vụ

Phối hợp các sở, ngành và Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng triển khai thực hiện Đề án theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức đào tạo, bồi dưỡng viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp theo thẩm quyền; thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh các vấn đề phát sinh liên quan đến biên chế của Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng (nếu có) trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp các sở, ngành và Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng triển khai thực hiện Đề án theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông tạo điều kiện cho Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng tổ chức tuyên truyền, tư vấn, định hướng nghề nghiệp giúp học sinh chủ động lựa chọn ngành, nghề học, hình thức học sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan nghiên cứu, xem xét tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối vốn đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công và trong khả năng cân đối ngân sách của tỉnh. Phối hợp kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng nguồn vốn theo quy định.

6. Sở Tài chính

Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, kiểm tra quyết toán kinh phí đối với nguồn vốn sự nghiệp và tham mưu phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Đề án theo phân cấp ngân sách.

7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp với sở, ngành liên quan triển khai hiện Đề án theo chức năng, nhiệm vụ được giao; đồng thời cung cấp thông tin, nhu cầu nguồn nhân lực trong các lĩnh vực ngành phụ trách (theo ngành, nghề, trình độ nhân lực); xây dựng kế hoạch đặt hàng đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển ngành nông nghiệp trong thời gian tới, ưu tiên đặt hàng Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật cao thuộc lĩnh vực nông nghiệp.

8. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp các sở, ngành và Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng triển khai thực hiện Đề án theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

9. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

Thực hiện cho vay đối với người lao động học nghề có nhu cầu vay vốn khởi nghiệp, tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm và chương trình tín dụng học sinh, sinh viên theo quy định hiện hành.

10. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý Dự án 1, Ban Quản lý Dự án phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, Hiệp hội Doanh nghiệp, Trung tâm Dịch vụ việc làm, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Phối hợp các sở, ngành và Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng triển khai thực hiện Đề án theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

11. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Chỉ đạo các trường trung học cơ sở tạo điều kiện cho Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng tổ chức tuyên truyền, tư vấn, định hướng nghề nghiệp giúp học sinh chủ động lựa chọn ngành, nghề học, hình thức học sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở.

12. Các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chủ động phối hợp triển khai thực hiện Đề án theo thẩm quyền. Định kỳ hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện Đề án về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) **trước ngày 15/11** để tổng hợp, báo cáo theo quy định. *Handwritten mark*

Nơi nhận:

- Bộ LĐTBXH;
- Tổng cục GDNN;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban ngành;
- Cơ quan, đơn vị tại Mục C;
- Trường CĐCĐST;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Lưu: VT, VX. *Handwritten mark*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Huỳnh Thị Diễm Ngọc

Phụ lục 1

Danh mục ngành, nghề và thời gian đào tạo

(Kèm theo Đề án số 01 /ĐA-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)



STT	Tên nghề	Trình độ và thời gian đào tạo		
		Cao đẳng	Trung cấp	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng
1	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	2,5 năm	02 năm	01 năm
2	Quản trị mạng máy tính	2,5 năm	02 năm	01 năm
3	Kỹ thuật xây dựng	03 năm	02 năm	01 năm
4	Công nghệ ô tô	03 năm	02 năm	01 năm
5	Cắt gọt kim loại	03 năm	02 năm	01 năm
6	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	03 năm	02 năm	01 năm
7	Điện tử công nghiệp	03 năm	/	/
8	Điện công nghiệp	2,5 năm	02 năm	01 năm
9	Chế biến thực phẩm	2,5 năm	02 năm	01 năm
10	Bảo vệ thực vật	2,5 năm	02 năm	01 năm
11	Chế biến và bảo quản thủy sản	2,5 năm	02 năm	01 năm
12	Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ	2,5 năm	02 năm	01 năm
13	Thú y	2,5 năm	02 năm	01 năm



Phụ lục 2

Kết quả tuyển sinh, tốt nghiệp giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2020

(Kèm theo Đề án số 01 /ĐA-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Trình độ	Tổng cộng giai đoạn 2015 - 2020		Năm thực hiện											
			2015		2016		2017		2018		2019		2020	
	Tuyển sinh	Tốt nghiệp	Tuyển sinh	Tốt nghiệp	Tuyển sinh	Tốt nghiệp	Tuyển sinh	Tốt nghiệp	Tuyển sinh	Tốt nghiệp	Tuyển sinh	Tốt nghiệp	Tuyển sinh	Tốt nghiệp
Cao đẳng	1.846	722	438	284	311	196	294	175	282	67	252	*	269	*
Trung cấp	3.130	568	260	93	665	209	506	111	513	155	546	*	640	*
Tổng cộng	4.976	1.290	698	377	976	405	800	286	795	222	798	*	909	*

Ghi chú: (*) chưa tốt nghiệp.



Phụ lục 3

Kết quả tốt nghiệp các nghề giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2018

(Kèm theo Đề án số 01 /ĐA-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

TT	Tên nghề, trình độ cao đẳng	Năm 2015			Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018		
		Tuyển sinh	Tốt nghiệp	Tỷ lệ %	Tuyển sinh	Tốt nghiệp	Tỷ lệ %	Tuyển sinh	Tốt nghiệp	Tỷ lệ %	Tuyển sinh	Tốt nghiệp	Tỷ lệ %
1	Cắt gọt kim loại	9	3	33,3	9	8	88,9	13	7	53,8			
2	Công nghệ ô tô	54	30	55,6	52	30	57,7	65	37	56,9	72	*	
3	Điện công nghiệp	68	45	66,2	33	16	48,5	32	17	53,1	27	*	
4	Điện tử công nghiệp	13	8	61,5	14	11	78,6	10	9	90	10	*	
5	Kỹ thuật máy lạnh & điều hòa K.khí	40	21	52,5	35	20	57,1	41	23	56,1	51	*	
6	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	21	14	66,7	17	9	52,9	14	7	50	18	9	50
7	Quản trị mạng máy tính							14	6	42,9			
8	Kế toán doanh nghiệp	11	8	72,7	17	8	47,1	12	9	75	15	11	73,3
9	N. trồng thủy sản nước mặn, nước lợ	8	8	100,0	17	6	35,3	10	6	60	20	13	65
10	Bảo vệ thực vật	25	21	84,0	19	13	68,4	8	6	75	9	7	77,8
11	Thú y	45	28	62,2	34	28	82,4	29	17	58,6	18	9	50
12	Chế biến thực phẩm	27	20	74,1	31	26	83,9	27	20	74,1	19	14	73,7
13	Chế biến và Bảo quản thủy sản	29	22	75,9	23	14	60,9	19	11	57,9	20	15	75
14	Kỹ thuật xây dựng	13	7	53,8	8	5	62,5						
15	Công tác xã hội	60	49	81,7	2	2	100						
Tổng cộng		423	284	67,1	311	196	63,0	294	175	59,5	279	67	24,1

STT	Tên nghề, trình độ trung cấp	Năm 2015			Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018		
		Tuyển sinh	Tốt nghiệp	Tỷ lệ %	Tuyển sinh	Tốt nghiệp	Tỷ lệ %	Tuyển sinh	Tốt nghiệp	Tỷ lệ %	Tuyển sinh	Tốt nghiệp	Tỷ lệ %
1	Cắt gọt kim loại	6	1	16,7	22	7	31,8	26	8	30,8	39	14	35,9
2	Công nghệ ô tô	41	5	12,2	107	28	26,2	108	14	13	111	36	32,4
3	Điện công nghiệp	28	12	42,9	121	40	33,1	56	9	16,1	48	6	12,5
4	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	18	3	16,7	35	10	28,6	73	15	20,5	51	17	33,3
5	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	19	2	10,5	36	7	19,4	52	5	9,6	49	6	12,2
6	Quản trị mạng máy tính							22	6	27,3	32	7	21,9
7	Kế toán doanh nghiệp	11	4	36,4	28	15	53,6	21	8	38,1	35	9	25,7
8	Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ	49	38	77,6	4	1	25	9	4	44,4	12	9	75
9	Bảo vệ thực vật	6	1	16,7	6	3	50	11	5	45,5	9	6	66,7
10	Thú y	44	19	43,2	106	49	46,2	26	5	19,2	20	9	45
11	Chế biến thực phẩm	4	1	25	31	18	58,1	66	19	28,8	58	20	34,5
12	Chế biến và Bảo quản thủy sản	16	3	18,8	83	21	25,3	27	7	25,9	43	16	37,2
13	Kỹ thuật xây dựng	3			5	2	40	9	6	66,7			
14	Công tác xã hội	18	4	22,2	15	8	53,3						
Tổng cộng		263	93	35,4	599	209	34,9	506	111	21,9	507	155	30,6



Phụ lục 4

Quy mô tuyển sinh dự kiến giai đoạn 2021 - 2025
(Kèm theo Đề án số 01 /ĐA-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

ĐVT: người

STT	Nghề/trình độ	Tổng cộng	Năm				
			2021	2022	2023	2024	2025
1	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	250	50	50	50	50	50
-	Trình độ cao đẳng	150	30	30	30	30	30
-	Trình độ trung cấp	100	20	20	20	20	20
2	Quản trị mạng máy tính	175	35	35	35	35	35
-	Trình độ cao đẳng	75	15	15	15	15	15
-	Trình độ trung cấp	100	20	20	20	20	20
3	Kỹ thuật xây dựng	300	60	60	60	60	60
-	Trình độ cao đẳng	150	30	30	30	30	30
-	Trình độ trung cấp	150	30	30	30	30	30
4	Công nghệ ô tô	490	95	95	95	95	110
-	Trình độ cao đẳng	210	40	40	40	40	50
-	Trình độ trung cấp	280	55	55	55	55	60
5	Cắt gọt kim loại	375	75	75	75	75	75
-	Trình độ cao đẳng	200	40	40	40	40	40
-	Trình độ trung cấp	175	35	35	35	35	35
6	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	300	60	60	60	60	60
-	Trình độ cao đẳng	150	30	30	30	30	30
-	Trình độ trung cấp	150	30	30	30	30	30
7	Điện tử công nghiệp	160	30	30	30	30	40
-	Trình độ cao đẳng	160	30	30	30	30	40
8	Điện công nghiệp	300	60	60	60	60	60
-	Trình độ cao đẳng	150	30	30	30	30	30
-	Trình độ trung cấp	150	30	30	30	30	30
9	Chế biến thực phẩm	360	70	70	70	70	80
-	Trình độ cao đẳng	155	30	30	30	30	35
-	Trình độ trung cấp	205	40	40	40	40	45

10	Bảo vệ thực vật	275	45	45	55	55	75
-	Trình độ cao đẳng	125	20	20	25	25	35
-	Trình độ trung cấp	150	25	25	30	30	40
11	Chế biến và bảo quản thủy sản	360	70	70	70	70	80
-	Trình độ cao đẳng	180	35	35	35	35	40
-	Trình độ trung cấp	180	35	35	35	35	40
12	Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ	275	45	45	55	55	75
-	Trình độ cao đẳng	125	20	20	25	25	35
-	Trình độ trung cấp	150	25	25	30	30	40
13	Thú y	300	60	60	60	60	60
-	Trình độ cao đẳng	150	30	30	30	30	30
-	Trình độ trung cấp	150	30	30	30	30	30
Tổng cộng:		3.920	755	755	775	775	860
Trình độ cao đẳng		1.980	380	380	390	390	440
Trình độ trung cấp		1.940	375	375	385	385	420

**Phụ lục 5****Các nhiệm vụ thực hiện đề án**

(Kèm theo Đề án số 01 /ĐA-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

1. Phát triển hệ thống thông tin, số hóa, mô phỏng hóa các hoạt động quản lý và chương trình đào tạo

a) Mục tiêu: Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong các hoạt động đào tạo và quản lý nhà trường trên cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin tiên tiến.

b) Nội dung:

- Hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin tiên tiến, đồng bộ:

+ Đầu tư nâng cấp hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin, hệ thống mạng nội bộ vận hành ổn định liên tục 24/7, kết nối Internet tốc độ cao; nâng cấp hệ thống các máy chủ đảm bảo cho hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin tiến đến việc chia sẻ kết nối đến các cơ quan có liên quan; đầu tư, nâng cấp các phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng cơ bản phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo điều hành.

+ Mở rộng mật độ phủ sóng của hệ thống mạng không dây, tạo điều kiện hạ tầng cho việc triển khai các hoạt động quản lý, dạy và học được nhanh chóng, kịp thời.

- Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động quản lý, dạy và học:

+ Xây dựng trung tâm học liệu và truyền thông với cơ sở vật chất, hạ tầng thông tin, ứng dụng, kho học liệu tiên tiến, thư viện điện tử, tạo điều kiện, môi trường thuận lợi cho hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu đổi mới sáng tạo của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, học sinh, sinh viên. Trung tâm học liệu là nơi lưu trữ, vận hành hệ thống thư điện tử, hệ thống đào tạo trực tuyến, cổng thông tin điện tử tích hợp các dịch vụ phục vụ, là nơi sinh hoạt học tập, thảo luận, nghiên cứu, hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp trong học sinh, sinh viên.

+ Xây dựng hệ thống đào tạo trực tuyến có khả năng tích hợp với hệ thống của các cơ quan quản lý cấp trên trong việc ứng dụng đào tạo trực tuyến vào hoạt động dạy và học.

+ Xây dựng hệ thống thư viện điện tử lưu trữ các dữ liệu được số hóa phục vụ cho hoạt động dạy và học của các nghề đang đào tạo, tích hợp với các hệ thống thư viện mở, tạo sự phong phú về nguồn tài liệu hỗ trợ việc tham khảo, học tập, nghiên cứu trong quá trình giảng dạy của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, học sinh, sinh viên đang học tập, công tác tại Trường.

+ Xây dựng các phòng, xưởng đánh giá kỹ năng nghề nghiệp có trang bị thiết bị công nghệ thông tin, ngân hàng câu hỏi, đề thi phục vụ cho công tác kiểm tra, đánh giá kết quả người học.

+ Đầu tư nâng cấp, xây dựng các phần mềm ứng dụng, phần mềm quản lý điều hành, quản trị nhà trường, phát triển Cổng thông tin điện tử theo hướng hiện đại có thể tương tác với phụ huynh, người học ở các mức độ khác nhau.

- Hệ thống thông tin quản lý chất lượng nhà Trường:

+ Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin đảm bảo chất lượng thông qua việc lưu trữ các quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ và thông tin quản lý thống kê phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành quản lý.

+ Xây dựng hệ thống camera giám sát tích hợp các công nghệ AI nhận dạng cùng với những hình thức xác thực để theo dõi, giám sát các hoạt động trong phạm vi quản lý.

+ Xây dựng hệ thống quản lý thông tin sau tốt nghiệp, hoạt động theo dõi nhằm hướng tới việc phối hợp với các doanh nghiệp trong hoạt động đào tạo và giải quyết việc làm. Hệ thống hỗ trợ người học từ các bên liên quan, tích hợp thông tin tuyển dụng, đào tạo và giới thiệu việc làm, kết nối đào tạo với nhu cầu đầu ra thực tế, quản lý người học tìm việc làm và đào tạo lại.

+ Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ, đảm bảo các hoạt động dịch vụ người học, như: hệ thống camera giám sát; hệ thống chấm công và suất ăn; hệ thống truy cập internet phục vụ tra cứu, tìm kiếm tài liệu học tập tại khu vực nội trú của người học,...

2. Phát triển chương trình, giáo trình đào tạo

a) Mục tiêu:

- Phát triển chương trình, giáo trình đào tạo nhằm hoàn chỉnh nội dung trên cơ sở khoa học, chuẩn đầu ra, tiêu chuẩn kỹ năng nghề tương ứng với cấp trình độ theo khung trình độ quốc gia, phục vụ hiệu quả hoạt động dạy và học.

- Điều chỉnh, bổ sung, chỉnh sửa chương trình, giáo trình đảm bảo đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra, tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, phù hợp với phân tích nghề; đảm bảo kịp thời, liên thông giữa các trình độ, phù hợp với phương thức đào tạo tích lũy theo mô đun, tín chỉ, cập nhật tiến bộ khoa học kỹ thuật và thực tế sản xuất.

b) Nội dung:

- Xây dựng yêu cầu kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm: Phân tích các yêu cầu của Khung trình độ quốc gia, Tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia và chuẩn đầu ra; lựa chọn, phân loại kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm phù hợp nhằm xây dựng các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần đạt đối với học sinh, sinh viên cho từng nghề ở từng trình độ đào tạo. Phân loại thành nhóm kỹ năng cứng, kỹ năng mềm, kỹ năng bắt buộc, kỹ năng bổ trợ,...

- Điều chỉnh chương trình: Phân tích môn học, mô đun thành các chương, bài học khác nhau, xây dựng kiến thức, kỹ năng cần đạt cho từng chương, bài; xây dựng nội dung, xác định thời lượng đào tạo cho từng chương, bài của môn học, mô đun; xây dựng mối quan hệ của các môn học, mô đun, sắp xếp thứ tự các môn học, mô đun theo nhóm bổ trợ nhau hoặc theo độ khó; xác định các kiến thức, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần bổ sung, xây dựng các môn học, mô đun cơ sở, tiên quyết hoặc bổ trợ.

- Điều chỉnh giáo trình: Phân tích, đối chiếu mục tiêu giáo trình của từng môn học, mô đun hiện tại với yêu cầu của môn học, môn đùn trong chương trình; phân tích, đánh giá nội dung giáo trình với thực tế sản xuất, yêu cầu phát triển công nghệ, đưa ra các nội dung cần bổ sung; phân tích logic nội dung trong từng chương, bài và toàn bộ giáo trình; phân tích, so sánh nội dung giáo trình với mục tiêu, đưa ra các yêu cầu cần bổ sung, hoàn chỉnh hoặc cần điều chỉnh; phân tích đánh giá giáo trình về nhận thức của học sinh, sinh viên và yêu cầu sư phạm.

- Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chương trình đào tạo.

3. Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp và cán bộ quản lý

a) Mục tiêu: Phát triển đội ngũ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp đảm bảo đủ về số lượng; đồng bộ về cơ cấu nghề đào tạo; đạt chuẩn về kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và kỹ năng nghề nghiệp. Chú trọng nâng cao phẩm chất đạo đức, lối sống, lương tâm nghề nghiệp của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

b) Nội dung:

- Đổi mới công tác tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp:

+ Tham gia bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng nghề, tin học, ngoại ngữ, công nghệ mới và kỹ năng mềm trên cơ sở chuẩn của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

+ Xây dựng các chương trình bồi dưỡng thường xuyên về kiến thức chuyên môn, những tiến bộ khoa học, công nghệ mới; phương pháp giảng dạy, phương pháp xây dựng chương trình và sử dụng phương tiện dạy học mới để tổ chức bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

+ Vận dụng đổi mới phương pháp đào tạo và bồi dưỡng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, tự học và sáng tạo của người học; ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng; chú trọng phương pháp thực hành, hoạt động nhóm; đổi mới nội dung và hình thức tổ chức thực tập.

- Đổi mới công tác quản lý đội ngũ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp:

+ Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp; xây dựng cơ sở dữ liệu về quản lý nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

+ Tăng cường công tác giám sát về công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

- Đẩy mạnh hợp tác doanh nghiệp trong đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp:

+ Đẩy mạnh hợp tác với doanh nghiệp trong đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề và khả năng tiếp cận với thực tiễn nghề nghiệp của đội ngũ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

+ Thu hút những người có trình độ, kỹ năng nghề cao của doanh nghiệp tham gia đào tạo tại trường.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong việc phát triển đội ngũ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp: Tăng cường đào tạo nâng cao trình độ tiếng Anh cho các nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, như: khảo sát học tập kinh nghiệm về đào tạo nhà giáo giáo dục nghề nghiệp ở nước ngoài; lựa chọn, thí điểm áp dụng các mô hình và chương trình đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp phù hợp; áp dụng các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ chung đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp trong khu vực ASEAN trong công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp để đảm bảo chất lượng sau đào tạo đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động và sự dịch chuyển lao động chuyên môn, kỹ thuật giữa các nước trong khu vực.

4. Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

a) Mục tiêu: Đầu tư mới, cải tạo nâng cấp phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, trung tâm học liệu,...; trang bị bổ sung thiết bị đào tạo mới, thiết bị phục vụ hoạt động quản lý; trang bị, nâng cấp các phần mềm, học liệu phục vụ hoạt động dạy và học.

b) Nội dung:

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện giảng dạy và học tập hiện đại phù hợp với yêu cầu tối thiểu cho việc đào tạo đội ngũ lao động có chất lượng, đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

- Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất, phòng học, xưởng thực hành đảm bảo đúng tiêu chuẩn, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động dạy, học; đầu tư thiết bị, dụng cụ đáp ứng đủ để triển khai chương trình đào tạo, đảm bảo đào tạo các kỹ năng cơ bản chung, đào tạo các kỹ năng chuyên sâu và ứng dụng các kỹ năng đã học vào điều kiện làm việc thực tế, quản lý nhà xưởng theo mô hình tiên tiến.

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin phục vụ hỗ trợ dạy và học tại tất cả các phòng học, xưởng thực hành, tiến đến đào tạo trực tuyến.

- Đầu tư hệ thống phòng thực hành mô phỏng, thiết bị phần mềm mô phỏng, thiết bị thực tế ảo, tích hợp kho dữ liệu về học liệu với các đơn vị có liên quan trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp; triển khai giảng dạy theo phần mềm mô phỏng chủ yếu kết hợp với giao diện mô phỏng cơ chế thao tác của máy móc thực tế, cung cấp cho người học các dạng mô phỏng quy trình thao tác chuẩn và các tình huống, sự cố bất thường trong thao tác để ứng dụng vào việc học tập thực hành như thực tế, đồng thời tích hợp các tài nguyên học liệu về giáo dục nghề nghiệp./.

Phụ lục 6**Chi tiết kinh phí thực hiện đề án**

(Kèm theo Đề án số 01 /ĐA-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng cộng	Nguồn vốn			
			Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Quỹ sự nghiệp	Vốn huy động (*)
A	B	1=2+3+4+5	2	3	4	5
1	Dự án 1	12.300				12.300
2	Dự án 2	3.200			3.200	
3	Dự án 3	2.400			2.400	
4	Dự án 4	87.700	39.600	36.000	12.100	
Tổng cộng		105.600	39.600	36.000	17.700	12.300

* Nguồn vốn huy động từ các chương trình hợp tác, liên kết đào tạo với doanh nghiệp.



Phụ lục 7

Kinh phí thực hiện Dự án 1: Dự án Phát triển hệ thống thông tin, số hóa, mô phỏng hóa các hoạt động quản lý và chương trình đào tạo

(Kèm theo Đề án số 01 /ĐA-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	Hạng mục đầu tư	Đơn vị tính	Số lượng	Kinh phí (triệu đồng)
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thiết bị truyền dẫn	Hệ thống	1	600
2	Nâng cấp hệ thống máy chủ và các dịch vụ cơ bản kèm theo hệ thống	Hệ thống	1	550
3	Trung tâm học liệu và truyền thông nhà trường (sức chứa 500 học sinh, sinh viên)	Trung tâm	1	5.000
4	Hệ thống hỗ trợ đào tạo trực tuyến	Hệ thống	1	1.100
5	Cải tạo, nâng cấp hệ thống công thông tin điện tử	Hệ thống	1	650
6	Thuê hệ thống theo dõi tác nghiệp phục vụ quản lý chỉ đạo điều hành	Gói dịch vụ/5 năm	1	200
7	Mở rộng phần mềm quản lý đào tạo	Mô-đun	5	500
8	Phát triển hệ thống kho lưu trữ và tìm kiếm thông tin nội bộ	Hệ thống	1	150
9	Phòng kiểm tra, đánh giá trải nghiệm khách quan (đáp ứng 30 học sinh, sinh viên/ca kiểm tra, đánh giá)	Phòng	1	700
10	Nâng cấp, bổ sung hệ thống quan sát, nhận dạng	Hệ thống	1	350
12	Hệ thống hỗ trợ công tác lần vết, phối hợp doanh nghiệp, hỗ trợ việc làm	Hệ thống	1	600
13	Các thiết bị, phần mềm mô phỏng, thực tế ảo	Thực hiện theo nhu cầu của từng nghề		1.900
	Tổng cộng			12.300



25

Phụ lục 8

**Kinh phí thực hiện Dự án 2: Dự án Phát triển chương trình,
giáo trình đào tạo**

(Kèm theo Đề án số 01 /ĐA-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	Nội dung	Số lượng	Kinh phí (triệu đồng)
1	Điều chỉnh chương trình đào tạo	25	500
2	Điều chỉnh giáo trình	320	480
3	Kiểm định chất lượng		2.220
a	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp	1	180
b	Chương trình đào tạo	12	2.040
	Tổng cộng (*)		3.200

(*) Quỹ sự nghiệp của Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng (chi thường xuyên).

Phụ lục 9

Kinh phí thực hiện Dự án 3: Dự án Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp và cán bộ quản lý
 (Kèm theo Đề án số 01 /ĐA-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	Nội dung	Số lượng (lượt người)	Kinh phí (triệu đồng)
1	Bồi dưỡng kỹ năng nghề	150	900
2	Bồi dưỡng thường xuyên	375	1.500
	Tổng cộng (*)		2.400

(*) Quỹ sự nghiệp của Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng (chi thường xuyên).



27

Phụ lục 10

Kinh phí thực hiện Dự án 4: Đầu tư, cải tạo cơ sở vật chất
(Kèm theo Đề án số 01 /ĐA-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)


STT	Nghề đào tạo	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây dựng mới xưởng khoa Nông nghiệp - Thủy sản	8.000
2	Cải tạo phòng học thực hành (2 dãy)	2.000
3	Cải tạo trại thực hành (2 dãy)	2.000
4	Cải tạo ký túc xá (dãy c và dãy d)	4.000
5	Cải tạo nhà nghỉ giáo viên	500
6	Cải tạo trung tâm học liệu	1.000
7	Cải tạo nhà thi đấu đa năng	1.000
8	Cải tạo hàng rào nội bộ	1.500
9	Thảm nhựa đường nội bộ khu hành chính	5.000
	Tổng cộng (*)	25.000

(*) *Vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (ngân sách địa phương).*

Phụ lục 11

Kinh phí thực hiện Dự án 4: Mua sắm thiết bị đào tạo

(Kèm theo Đề án số 01 /ĐA-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)



STT	Ngành, nghề đào tạo	Kinh phí (triệu đồng)
1	Các môn học chung(*)	3.200
2	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	3.000
3	Quản trị mạng máy tính	3.000
4	Kỹ thuật xây dựng	2.000
5	Cắt gọt kim loại	4.000
6	Công nghệ ô tô	13.800
7	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	2.000
8	Điện tử công nghiệp	11.000
9	Điện công nghiệp	2.000
10	Chế biến thực phẩm	5.000
11	Bảo vệ thực vật	2.000
12	Chế biến và bảo quản thủy sản	5.700
13	Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ	4.100
14	Thú y	1.900
	Tổng cộng	62.700

(*) Gồm các môn học: ngoại ngữ, tin học, giáo dục thể chất, pháp luật, chính trị, kỹ năng mềm; trong đó:

- Ngân sách trung ương: 39.600 triệu đồng.
- Ngân sách địa phương: 11.000 triệu đồng.
- Quỹ sự nghiệp: 12.100 triệu đồng./.